TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 602/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 816/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 665/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Anh T, sinh năm 1994; có mặt.
Địa chỉ: Số A đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc L, sinh năm 1993; vắng mặt.
Địa chỉ: Số C đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Phạm Thị Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Anh T và ông Trương Quốc L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2020.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không lo làm ăn và chăm sóc gia đình mà thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, về khuya nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, kinh tế gia đình và việc

chăm sóc con do một mình bà T lo liệu, ông L chỉ thỉnh thoảng đưa cho bà một ít tiền nhưng không đáng kể. Ông L còn từng bị bắt vì tội tàng trữ trái phép ma túy và bị giam 18 tháng. Bà T đã nhiều lần cố gắng khuyên nhủ, tìm cách hàn gắn nhưng ông L vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn tiếng nói chung. Sau khi ông L bị tù giam bà T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Ông L sau khi chấp hành án xong thì về nhà của chị gái để ở, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Bà T khai bà và ông L có 01 con chung tên Trương Phạm Gia H, sinh ngày 27/6/2020. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung do từ lúc sinh con đến nay, bà T một mình chăm sóc, nuôi dưỡng, công việc của bà kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo cho việc chăm sóc con nên bà cũng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa án để hòa giải nhưng ông L không đến, điều đó cho thấy ông L không còn thiết tha trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L là có thật và đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2020, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác nhận mâu thuẫn hôn nhân là do ông L không lo làm ăn và chăm sóc gia đình mà thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, về khuya nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn về kinh tế. Mặc dù, ông L còn từng bị bắt vì tội tàng trữ trái phép ma túy và bị giam 18 tháng nhưng bà T vẫn cố gắng khuyên nhủ, tìm cách giải quyết nhưng ông L vẫn không thay đổi. Hiện nay bà T và ông L không còn cuộc sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Toà án đã triệu tập hợp lệ ông L để tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do chính đáng, điều đó cho thấy ông L hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trương Phạm Gia H, sinh ngày 27/6/2020, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu về con chung.

Hội đồng xét xử xét, hiện nay con chung đang ở với bà T và có cuộc sống ổn định, bình thường. Do đó, yêu cầu về con chung của bà T là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có. Ông L không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Anh T được ly hôn ông Trương Quốc L.

Quan hệ hôn nhân của bà Phạm Thị Anh T và ông Trương Quốc L (theo vào Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2020) chấm dứt kể từ ngày Bản án này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trương Phạm Gia H, sinh ngày 27/6/2020 cho bà Phạm Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Quốc L do bà Phạm Thị Anh T không yêu cầu.

+ Ông Trương Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Anh T khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng do bà Phạm Thị Anh T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2023/0006620 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phạm Thị Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quốc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung